

**Đồng hồ áp suất**  
**MA-40-25-1/8-EN**  
Số bộ phận: 526167

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vùng hiển thị                         | 0 bar...25 bar<br>0 psi...362.5 psi                                                                    |
| Tuân theo tiêu chuẩn                  | EN 837-1                                                                                               |
| Kích thước định mức áp kế             | 40                                                                                                     |
| Chống cháy nổ                         | Lưu ý thông tin trong chứng nhận<br>Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Cấu trúc xây dựng                     | Áp kế lò xo ống                                                                                        |
| Kiểu gắn                              | Lắp đặt đường dây                                                                                      |
| Môi chất vận hành                     | Khí trơ<br>chất lỏng trung tính                                                                        |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | không có axetylen<br>không ôxy                                                                         |
| Áp suất vận hành                      | 0 MPA...2.5 MPA<br>0 bar...25 bar<br>0 psi...362.5 psi                                                 |
| Hệ số tải luân phiên                  | 0.66                                                                                                   |
| Độ chính xác của phép đo              | 2,5                                                                                                    |
| Mức độ bảo vệ                         | IP43                                                                                                   |
| Nhiệt độ trung bình                   | -20 °C...60 °C                                                                                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -20 °C...60 °C                                                                                         |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                      |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                                          |
| Vị trí kết nối                        | Mặt sau trung tâm                                                                                      |
| Cổng nối khí nén                      | G1/8                                                                                                   |
| Vật liệu tiếp xúc môi chất            | Đồng thau                                                                                              |
| Vật liệu ngông vận vít                | Đồng thau                                                                                              |
| Vật liệu vỏ                           | ABS                                                                                                    |

| Đặc tính                   | Giá trị                                            |
|----------------------------|----------------------------------------------------|
| Vật liệu cửa kính quan sát | PS                                                 |
| nhà màu                    | màu đen                                            |
| trọng lượng sản phẩm       | 60 g                                               |
| Thang đo                   | Thang đo đôi<br>bar (bên ngoài)<br>psi (bên trong) |